

Trí sĩ ngày xưa

Muôn loài sinh ra phải đi kiếm ăn, nhưng loài người thì dường như phải kiếm ăn, kiếm mặc để che thân, no bao tử và lẩn tránh ác thú và mưa gió, cho nên sau một thời gian học tập với cha mẹ hay đoàn thể xã hội, người ta phải làm lụng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Người ta có làm mới có ăn. Ca dao Việt nam có câu: *Ở đời ai cũng phải làm, Chăm thì sung sướng, lười cam chịu hèn.*

Nhưng sức người có hạn theo quy luật sinh trụ hoại diệt và sinh bệnh lão tử, cho nên dù muốn trường sinh, không ai tránh khỏi sự suy yếu của cơ thể sau một thời gian làm lụng như cái ô tô sau khi đã chạy vài trăm ngàn cây số. Dù có muốn, sức lực không còn nên lúc đó phải nghỉ ngơi hay về hưu.

Dân gian có nói về cái biến thể sinh lý lúc con người lão hóa bằng những triệu chứng như da mồi, má hóp, gối mồi chân chồn, đầu bạc răng long...như thể một cái hoa tươi đẹp đang bắt đầu khô héo trước khi tàn rụng. Nguyễn Khuyến viết trong bài Lão thái như sau

Năm mươi năm tuổi cái thân già,
Vẻ xầu dần dần lộ hết ra.
Răng vẹo buốt hàm như cũi cọ,
Mắt lòa gấp sách giảng ê a.
Ba phần tóc bạc càng thêm tui,....

Đa số dân ta ngày xưa sống về nghề nông như các nước khác, dân quê bị bóc lột hàng trăm thứ thuế cho nên lúc về già không mấy ai có đủ điều kiện sinh sống, người ta phải trông nhờ con cháu và sông quây quần thành đại gia đình.

Ca dao về công việc nhà nông: *'Khó thay công việc nhà quê, Cùng năm khó nhọc dám hề khoan thai.*

Không làm việc nữa thì mất cái thói quen lao động thì người già làm gì cho qua ngày của cuộc sống buồn tẻ còn lại?

Nghỉ ngơi hiểu theo nghĩa là ngưng làm việc, có thể ngồi nghỉ hoặc nằm yên một chỗ. Thực ra, người dân Việt Nam, với hoàn cảnh địa dư, với nếp sống cổ truyền rất ít có sự nghỉ ngơi. Chỉ những người già lão gần đất xa trời, đã mệt nhọc vất vả với việc làm gần suốt hết một đời, đến lúc sức lực suy kém, việc cử động chậm chạp, đi đứng khó khăn mới nghỉ ngơi.

Tuy không làm lụng gì nữa, nhưng các cụ vẫn có những việc riêng mà không dùng đến sức lực. Trong lúc con cái cả ngày vắng nhà vì công việc đồng áng, công việc chợ búa thì các cụ ở nhà trông nhà. Chỉ cần sự hiện diện của các cụ ở nhà, đủ cho kẻ gian không dám mon men đến. Trong một làng miền quê, người trong làng thường quen mặt nhau hết, vì vậy cho nên kẻ gian sợ bị nhận diện, không bao giờ dám gian tham khi có người thấy mình. Lại như các cụ bà, tối tối lũ cháu quây quần chung quanh để nghe kể những câu chuyện cổ tích các cụ kể. Đây là một công việc hết sức tế nhị và khó khăn, vì mỗi câu chuyện kể ra đều có ảnh hưởng nhiều ít tới trí óc trong trắng của lũ trẻ thơ.

Qua các câu chuyện kể lại, các cụ bao giờ cũng đề cao đạo đức, gián tiếp khuyên các cháu nhỏ phải hiếu kính cha mẹ, phải giúp đỡ người nghèo, phải săn sóc người tàn tật, phải ăn ngay ở thẳng, phải thương người làng, người nước, phải hoà

thuận anh em, v.v.... Những câu chuyện đuổi giặc cứu nước như chuyện Phù Đổng Thiên Vương đuổi giặc Ân, chuyện Trần Bình Trọng "Thà làm quỷ Nước Nam còn hơn làm vua đất Bắc".... luôn luôn được các cụ nhắc lại để khuyến khích đàn cháu nhỏ nuôi sẵn chí bất khuất của giống nòi. Gọi là công việc, nhưng các cụ coi đây là sự nghỉ ngơi, và các cụ thường nói vui đùa với đàn cháu nhỏ là như vậy. Các cụ không phải lo thức khuya dậy sớm, các cụ có thể bình tĩnh để sáng sáng thưởng thức ấm trà ngon, hút mỗi thuốc lào Vĩnh Bảo, thong thả nhai miếng trầu sau những bữa cơm hay khi thấy nhạt miệng.

Các cụ có thể ung dung ngắm hòn núi non bộ, từ từ ra vườn ngắm những luống hoa hoặc những cây quả. Thấy những quả đầu mùa, thấy những bông hoa thơm mới nở, các cụ sai con cháu hái vào thắp hương trên bàn thờ rồi các cụ ăn nếm và chia cho các cháu. Hoặc khi ngoài chợ có của ngon, con cháu mua về, các cụ dâng cúng Thổ Công và tổ tiên, các cụ lấy thế làm sung sướng.

Các cụ quanh quẩn trong nhà, ngoài nhà, các cụ nhìn lại cổ hủ của mình kê ở gầm giường thờ. Rồi khi có khách tới thăm các cụ vui vẻ tiếp, nhất là gặp các bạn già, các cụ cùng nhau hàn huyên câu chuyện, kể lại những việc đã xảy ra, và nhắc lại những kỷ niệm hồi thơ ấu để bao giờ các cụ cũng kết luận: "Chóng quá, mới ngày nào!". Cụ ông có khách của cụ ông, cụ bà có khách của cụ bà. Các cụ mời khách uống nước, ăn trầu, hút thuốc. Các cụ bà vừa giã trầu vừa tiếp khách. Giã trầu là thế nào? Các cụ già, răng yếu hoặc đã rụng nhiều, muốn ăn miếng trầu, vỏ cứng, cau cứng, các cụ nhai không được, phải vỏ vào chiếc cối nhỏ gọi là chiếc cối giã trầu dùng một miếng que đồng hoặc sắt nhỏ nghiền trước rồi mới cho vào miệng nhai sau.

Tiếp khách, các cụ giã trầu cho mình, các cụ lại giã trầu mời khách. Các cụ ông lại còn cái thú đọc sách ngâm thơ, gặp bạn cùng nhau khoe những bài thơ mới sáng tác, cùng nhau góp ý kiến câu hay câu dở. Rồi các cụ lại đọc cho nhau nghe những bài thơ các cụ cho là hay, kể cho nhau nghe những đoạn sách các cụ lấy làm lý thú.

Các cụ cùng nhau uống chén trà, bàn luận về trà ngon trà quý, khen những bộ ấm chén của cụ này, cụ kia lâu đời. Các cụ lại mời nhau nếm thử bình rượu cúc mới cất, hoặc một chén Mai Quế Lộ thẳng cháu ở tỉnh gửi về biếu. Rồi các cụ ra đình họp việc làng vào những dịp sóc vọng tuần tiết, giỗ hủ hoặc tết nhất. Các cụ lững thững đi, mũ nỉ che tai, tay chống chiếc gậy đầu có hình con dơi hoặc bông hoa. Các cụ bà đi lễ chùa, lo làm phúc, cứu giúp người hoạn nạn, cúng cháo, v.v... Các cụ cho như vậy là để dành phúc đức cho con cháu.

Tuổi già các cụ thanh nhàn, nhưng nhiều người không con không cháu, lại không có nhà cửa ruộng nương thì cảnh già cũng không có sự thư thái đó. Các cụ vẫn phải lo kiếm ăn, nhưng thường các cụ đến ở chùa, gọi là "ăn mày cửa Phật", sống nhờ sự giúp đỡ của nhà chùa, và của người làng. Trong các làng quê thường có hội chợ bà lo việc làm phúc giúp đỡ những người không nơi nương tựa. Ở chùa các cụ cũng để mắt vào công việc của chùa để cất chân cất tay đỡ các tăng ni trong những việc nhẹ nhàng.

Rất may, những người số phận hẩm hiu như vậy không nhiều, còn thường ai cũng có con cháu, nếu không có con cháu thì cũng có họ hàng thân thích. Tinh thần tương trợ ở đồng quê rất mạnh, người dân quê giúp người để giúp, chứ không phải giúp người để phô trương, tuy sự giúp đỡ ít ỏi, nhưng lòng rất chân thành. Chính cái tinh thần tương trợ này nó đã làm cho những người nhận sự giúp đỡ không thấy tủi,

và những người này thường tự nói: "Sống nhờ cửa Phật, chết nhờ Chùa." Cửa Phật và Chùa đây gồm cả của dân làng đã giúp đỡ vào chùa. Như vậy nghĩa là người già, dù giàu nghèo, khi không còn sức làm lụng nữa, vẫn được nghỉ ngơi trong tinh thần vẫn lo công việc. [1]

Tuổi nghỉ hưu của quan lại [2]

Quan lại nghỉ hưu gọi là trí sĩ. Sử gia Phan Huy Chú cũng đã thừa nhận không có tư liệu lịch sử để khảo sát về chế độ hưu trí các đời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý Trần.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép về thời vua vua Lý Nhân Tông : “Mùa xuân năm Thái Ninh thứ 3 (1074) xuống chiếu cho các công thần 80 tuổi đều được chống gậy ngồi ghế khi vào chầu” Điều đó cho thấy, dường như các viên quan đại thần trụ cột của triều đình ở thời Lý (1009-1225) làm việc cho tới khi già yếu, chứ không có chế độ hưu trí. Nhưng đến 80 tuổi vẫn vào chầu là nói số công thần, còn các quan bình thường, từ *Tứ phẩm* đến *Cửu phẩm* chẳng lẽ cũng không có chế độ hưu trí sao?

Thời Trần (1225-1400), cũng giống như thời Lý, không thấy sử sách ghi chép về chế độ hưu trí của quan lại. Có lẽ, thời bấy giờ, quan lại cấp thấp đến tuổi già thì phải về hưu trí, còn quan lại cao cấp, nhất là các thân vương, đại thần nắm giữ những trọng trách tại triều đình thì được làm việc cho tới cuối đời. Theo Lịch triều hiến chương loại chí của tác giả Phan Huy Chú, phần Quan chức chí, thì từ thời Trần đã có lệ cho các quan về nghỉ hưu (trí sĩ).

Thời Lê Thánh Tông, nhà vua có chỉ truyền cho các quan văn võ tại chức, đến 65 tuổi, muốn về hưu, thì viết đơn gửi bộ Lại, kê tâu để thi hành.

Từ thời Lê trung hưng (Lê Thế Tông), thì lệ các quan văn võ đến 70 tuổi mới cho về hưu. Điều này cho thấy tuổi quan của quan lại thời Lê là rất cao. Theo quy định, viên quan nào đến 69 tuổi thì cuối năm làm tờ khai viện lệ bày xin, giao cho các quan bàn, trình lên Chúa Trịnh xem xét, để có thể thăng chức tước khi về hưu.

Một số trường hợp cụ thể có ghi lại về việc các quan trí sĩ đầu thời Lê trung hưng, như Thái phó Nguyễn Thực, Thiếu phó Nguyễn Minh Triết đều về hưu ở tuổi 80. Bồi tụng Thượng thư bộ Binh Nguyễn Khải về hưu khi đã 78 tuổi.

Thời Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 15 (1719), ra quy định là quan võ, thì nội giám từ đồng tri giám sự trở lên, 70 tuổi được cho về hưu, từ lục phẩm trở xuống thì cho cáo lão. Định lệ cho quan văn cũng tương tự.

Thời Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 3 (1737), quan văn là Hàn lâm thừa chỉ Trần Ân Triêm 65 tuổi xin về hưu. Chúa Trịnh vương Trịnh Giang chuẩn y cho. Từ đấy, các quan văn được về hưu từ 65 tuổi.

Đến đời Lê Hiến Tông, các quan nhiều người muốn xin về hưu sớm. Cả hai ban văn võ đều dâng tờ khai xin được về hưu ở tuổi 60. Chúa Minh vương Trịnh Doanh xem tờ khai không đồng ý, quyết định các quan phải đến 64 tuổi mới được viện lệ xin nghỉ.

Đến cuối đời Hiến Tông, các quan văn ngoài 60 tuổi nhiều người chán cảnh làm quan. Khi đó, chúa Tĩnh Vương Trịnh Sâm ra lệnh tuân theo lệ cũ, các quan 70 tuổi mới được nghỉ hưu.

Sang đến chúa Đoan Nam vương Trịnh Khải, Tế tướng Bùi Huy Bích dâng tờ khải xin lại theo lệ gần đây, cho các quan 65 tuổi được nghỉ việc để tỏ ra ưu đãi tuổi già. Chúa nghe theo.

Phan Huy Chú có bình luận, đầu thời Lê Trung Hưng, việc về hưu chưa được coi là vẻ vang, cho nên có lẽ vì vậy mà các quan cố gắng làm việc dù tuổi đã già. Theo truyền thống thời Lê, các quan đã về hưu mà được gọi ra làm việc lại (khởi phục) thì coi như là có đặc ân.

Lệ thời ấy, là ngày một quan về hưu, thì các quan trong triều đình đều có thơ mừng, lần lượt viết vào bức lụa, bày tiệc tiễn đưa. Từ khi Yên quận Phạm Công Trứ (1600-1675) 70 tuổi về hưu, có thơ lưu giã với các quan đồng triều, có đến 50 người ở các phủ, bộ, tự, khoa, đạo, viện họa thơ viết lên trướng lụa, uống rượu tiễn trên giang đình, từ đó về sau thành lệ.

Từ thời Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái năm đầu (1720) về sau, khi các quan đủ hạn tuổi về hưu, vua chúa ban cho sắc thư, các quan tổ chức khen mừng thành tích, tiễn đưa xe ngựa nhộn nhịp, được cho là “làm câu chuyện hay trong buổi thái bình”.

Sang đến triều Nguyễn, vẫn giữ quy định các quan đến 65 tuổi thì về hưu. Tuy nhiên, với các chức quan to, có lẽ việc áp dụng cũng không chặt chẽ mà tùy thuộc vào hoàn cảnh. Các quan lại về hưu còn được triều đình cấp cho một số lương hưu “*để nuôi tuổi già*”: *Ưu cấp tiền gạo và thuộc binh cho công thần Vọng Các hưu trí*.

Nguyễn Công Trứ, vừa là quan văn, vừa là tướng võ, đến năm 1847, niên hiệu Tự Đức năm thứ nhất, ông 69 tuổi mới nghỉ hưu. Đông các Đại học sĩ Cao Xuân Dục, Tổng tài quốc sử quán, năm 1913, đến 70 tuổi mới về hưu. Năm 1933, khi vua Bảo Đại quyết định cải tổ bộ máy triều đình, cho cả 5 thượng thư về nghỉ hưu thì Thượng thư Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài đã 70 tuổi.

Tuy nhiên lịch sử vẫn ghi nhận những trường hợp ngoại lệ đặc biệt. Như cụ Đoàn Tử Quang, người huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh, năm 1900 thi đỗ cử nhân khi đã 82 tuổi, vẫn được đặc cách bổ dụng làm Huấn đạo huyện Hương Sơn, rồi huấn đạo huyện Can Lộc. Đến năm 85 tuổi, cụ xin về hưu để phụng dưỡng mẹ già.

Còn Khâm sai đại thần Trần Đình Túc, được cho nghỉ hưu sau khi thương lượng với Tướng Pháp Henri Rivière sau trận đánh thành Hà Nội lần thứ 2 (1882), khi ông 64 tuổi. Đến khi vua Tự Đức mất, vua Hiệp Hòa nối ngôi, xảy ra sự kiện quân Pháp chiếm cửa Thuận An, triều đình Huế lại cử Trần Đình Túc ra làm Khâm sai toàn quyền cùng với Nguyễn Trọng Hợp đi hòa nghị, để ký Hòa ước Quý Mùi (Hòa ước Harmand - 1883).

Trong khi đó, hai vị quan lớn của triều Nguyễn có sự cộng tác đặc lực với người Pháp là Nguyễn Thân (Thượng thư Bộ Lại) và Hoàng Cao Khải (Thượng thư Bộ Binh), sau khi tranh chấp quyền lực với nhau, thì cùng phải về hưu năm 1903, khi ông Thân mới 58 tuổi, ông Khải mới 53 tuổi.

Từ khi nhà Lý lập ra Quốc tử giám và tổ chức thi cử để tuyển chọn hiền tài là nguyên khí của quốc gia thì đa số các trẻ nhỏ nếu không làm nghề nông đều đi học để thành kẻ sĩ biết chữ và nuôi mộng "Làm sao cho bách thế lưu phương, Trước là sĩ, sau là khanh tướng". Các bậc sĩ phu thường có những thú vui tao nhã như "cầm, kỳ, thư, hoạ, thi, tửu, hoa, trà" luôn được coi là tám thú vui thanh nhã của các bậc tao nhân mặc khách. Khi về trí sĩ họ thường dùng đến các thú vui này hay đi ngao du sơn thủy như đi du lịch ngày nay.

Đến nay không có nhiều tài liệu nói về hoạt động hưu trí của kẻ sĩ, hoạ chăng chỉ được biết qua các bài thơ của các vị văn tài như Chu Văn An làm tư nghiệp Quốc Tử Giám dâng sớ xin chém bảy gian thần đời Trần Dụ Tông, không được ông từ quan về hưu mà không có lương hưu.

Nguyễn Bình Khiêm tả trong bài *Cảnh nhàn*
Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến bóng cây ta hãy uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

Thú Nhàn

Lẩn thân ngày qua tháng qua,
Một phen xuân tới một phen già.
Ái 优 vắng vặc trăng in nước,
Danh lợi lằng lằng gió thổi hoa.
Án sách hãy còn án sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.

Nguyễn Trãi xin về hưu trí ở Côn Sơn khoảng đầu năm 1438, nơi trước kia từng là thái ấp của ông ngoại ông, chỉ thỉnh thoảng mới vâng mệnh vào chầu vua. Côn Sơn là một ngọn núi ở xã Chí Ngại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, trên núi có động Thanh Hư, dưới có cầu Thấu Ngọc, đều là thắng cảnh.

Theo sách Lịch triều hiến chương loại chí, sau khi không hợp với Lương Đăng về việc nhạc, ông đã xin về quê hưu trí. Sách Đại Việt sử ký toàn thư cũng không chép ông làm gì. Hình ảnh *ta ngâm thơ nhàn trong màu xanh mát của trúc bóng râm* cũng chính là chân dung thi sĩ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn Ông làm bài thơ nổi tiếng *Côn Sơn Ca* để tả cái lạc thú lúc về hưu.

Côn Sơn có suối nước trong,
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm.
Côn Sơn có đá tần vân,
Mưa tuôn, đá sạch ta nằm ta chơi.
Côn Sơn thông tốt ngát trời.
Ngả nghiêng dưới bóng ra thời tự do...` (Nguyễn Trọng Thuật dịch)

Trước khi về hưu, Nguyễn Công Trứ làm bữa tiệc mời các đồng liêu đến dự chia tay, thức ăn toàn là thịt cầy, chỉ có một mâm dành riêng cho cụ có thêm món thịt lợn. Khi mời mọi người vào tiệc, cụ khoát tay một vòng và nói: “Tôi được nghỉ hưu, có bữa rượu xin mời các vị. Trên dưới đều là chó cày, chỉ có món lợn ở đây thôi”.

Cụ nghỉ hưu, mang về quê nhà ở Hà Tĩnh không phải một tài khoản ketch xù trong ngân hàng mà là một cái rương nhỏ chứa sách vở, ở nhờ nhà từ đường, ngày ngày cưỡi bò đi chơi, đàn hát, thơ phú. Ông viết *Bài ca ngất ngưỡng* thể hiện phong cách sống của ông. Đây là triết lí sống trong suốt cuộc đời, khi còn là một thư sinh, khi xuất chính hay lúc đã về hưu của ông. “Ngất ngưỡng” là từ tượng hình có giá trị biểu đạt, diễn tả ở một vị trí cao chênh vênh, không ổn định liên hệ vào con người là một lối sống khác người: ngông nghênh, thách thức với mọi người, vượt thế tục bình thường.

*Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch.
Năm ba chú tiểu đồng lệch thếch,
Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn.
Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi.*

Nguyễn Khuyến Từ quan trở về sống cuộc đời nhàn tản, nhà thơ không ở chỗ cũ mà chuyển sang một khu đất khác: Tuy chẳng phải trên nền nhà cũ, Song vẫn là xứ vườn Bù (*Mùng làm nhà riêng ở xứ vườn Bù*),

Với một cái ao khá rộng: Ông lão về hưu tuổi 50 với cái ao nửa mẫu

Sau mấy năm nghỉ hưu, trong bài “*Ngày hè ngẫu thành*” nhà thơ lại ca ngợi một ngôi nhà mới:

*Ta về nghỉ đã năm sáu năm
Nơi ở có ngôi nhà bấy gian
Phía Tây Nam có ao nước trong
Cúi nhìn cá lội thung thăng*

Bài thơ viết sau 3 năm cáo quan Ngày xuân dặn các con:

*Sách vở ích chi cho buổi ấy
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già
Xuân về ngày loạn càng lơ láo
Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ*

Ông đại khoa tự thấy chữ nghĩa đã thành vô tích sự. Học vị học hàm nghĩ càng thêm thẹn. Tài sản ông bàn giao lại cho con chỉ có hai thứ:

*Chín sào tư thổ là nơi ở
Một bó tàn thư ấy nghiệp nhà.*

Ngày nay ở Việt Nam có luật qui định về tuổi nghỉ hưu cho đàn ông và đàn bà. Nhưng vẫn có nhiều người làm quan vun vén cho cá nhân, gia đình, tham ô tham nhũng, làm thất thoát tài sản nhà nước, lại có thể về hưu ngồi hưởng đồng tiền có được từ hành vi phạm pháp, để có một vài tỉ đồng, họ sẵn sàng phá của công nhiều lần hơn thế (Báo Lao Động 17/08/2020) như cựu Bộ trưởng Bộ Công Thương Vũ Huy Hoàng, cựu Thứ trưởng Hồ Thị Kim Thoa, Nguyễn Hồng Trường, nguyên Thứ

trường Bộ Giao thông Vận tải, nghỉ hưu từ 2017. Cái tài sản nhà nước này do sức lao động của nhân dân đóng góp.

Ở các đô thị của Việt Nam, người về hưu dường như có rất ít sự lựa chọn các hoạt động cho tuổi hưu của mình. Nhiều người về hưu không biết làm gì ngoài trừ việc tập thể dục hằng ngày, làm việc nhà, giữ cháu và thỉnh thoảng đi du lịch vì thiếu môi trường để người về hưu có thể tiếp tục làm việc, học tập, đóng góp cho cộng đồng. So với các cụ ngày xưa thì là một sự tiến hoá rất dài.

Ở các xã hội Âu Mỹ thì từ lúc đi làm việc, người ta đã phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, đến lúc về hưu thì xã hội sẽ trả lại tiền già để sinh sống, cứ như thế trẻ già thì măng mọc, con cháu không phải nuôi vì tới phiên tụi nó đóng bảo hiểm như các cụ đã làm. Các cụ già nếu không vào nhà dưỡng lão thì có nhiều môi trường thuận lợi để tiếp tục sinh hoạt, gặp gỡ bạn bè, giải trí, tiêu khiển như tập thể dục hằng ngày, làm việc nhà, giữ cháu, hội họp, tổ chức ăn nhậu, về thăm quê nhà, đi du lịch, tiếp tục làm việc, học tập, đóng góp cho cộng đồng...

Tham khảo

[1]-Toan Ánh- Phong tục Việt Nam

[2]-Quan ngày xưa nghỉ hưu thế nào, VNrxpress 10/12/2020

Hoạt Nguyễn

www.vietnamvanhien.org

